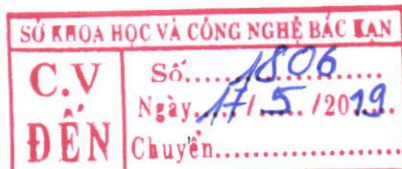


Số: 1244/QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày 3 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH**Ban hành Quy chế tổ chức xét chọn, tôn vinh Danh hiệu****“Doanh nghiệp đổi mới công nghệ tiêu biểu”****BỘ TRƯỞNG****BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16/8/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Kế hoạch số 27/KH-HĐTĐKT ngày 29/8/2017 của Hội đồng Thi đua - khen thưởng về việc tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Doanh nghiệp Việt Nam hội nhập và phát triển”;

Căn cứ Kế hoạch số 3436/KH-HĐTĐKT ngày 17/10/2017 của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc thực hiện phong trào thi đua “Doanh nghiệp Việt Nam hội nhập và phát triển” với chủ đề “Khoa học và công nghệ đồng hành cùng doanh nghiệp”;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ, Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Ban hành Quy chế tổ chức xét chọn, tôn vinh Danh hiệu “Doanh nghiệp đổi mới công nghệ tiêu biểu”.**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.**Điều 3.** Cục trưởng Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ, Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Bộ KH&CN;
- UBND, Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Lưu VT, UDCN, TĐKT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG****Trần Văn Tùng**

QUY CHẾ

Tổ chức xét chọn, tôn vinh Danh hiệu “Doanh nghiệp đổi mới công nghệ tiêu biểu”

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1244/QĐ-BKHCN
ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về điều kiện, tiêu chí, quy trình, thủ tục xét chọn và tổ chức tôn vinh Danh hiệu “Doanh nghiệp đổi mới công nghệ tiêu biểu” đối với các doanh nghiệp có hoạt động đổi mới công nghệ giai đoạn 2016-2018.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các doanh nghiệp có hoạt động đổi mới công nghệ thuộc tất cả các ngành, lĩnh vực.

Điều 3. Hình thức Danh hiệu

Cúp lưu niệm và Giấy chứng nhận Danh hiệu.

Điều 4. Số lượng Danh hiệu

Danh hiệu được trao tặng tối đa 100 doanh nghiệp và chia thành 3 nhóm trên cơ sở điểm số của từng doanh nghiệp đạt được.

Điều 5. Nguyên tắc xét chọn Danh hiệu

1. Danh hiệu “Doanh nghiệp đổi mới công nghệ tiêu biểu” được xét chọn đúng đối tượng đạt điều kiện và tiêu chí, được xem xét theo quy định tại Quy chế này, bảo đảm chính xác, công bằng, công khai, dân chủ, khách quan.

2. Việc xét chọn được thực hiện thông qua Hội đồng xét chọn của UBND các tỉnh, thành phố (sau đây gọi tắt là Hội đồng xét chọn của UBND tỉnh) và Hội đồng xét chọn của Bộ Khoa học và Công nghệ (sau đây gọi tắt là Hội đồng xét chọn của Bộ).

Điều 6. Thành lập Ban Tổ chức xét chọn, tôn vinh Danh hiệu

1. Ban Tổ chức xét chọn, tôn vinh Danh hiệu (sau đây gọi tắt là Ban Tổ chức) do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập, bao gồm:

- Trưởng Ban Tổ chức: Lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Phó Ban Tổ chức: Lãnh đạo Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ (cơ quan thường trực), Lãnh đạo một số đơn vị có liên quan.
- Thành viên: Đại diện các đơn vị trong và ngoài Bộ Khoa học và Công nghệ có liên quan.

2. Ban Tổ chức được phép sử dụng con dấu của Bộ Khoa học và Công nghệ trong quá trình tổ chức xét chọn, tôn vinh Danh hiệu.

Điều 7. Giải thích từ ngữ

1. Doanh nghiệp có hoạt động đổi mới công nghệ là doanh nghiệp có một trong các hình thức, hoạt động sau:

a) Là chủ sở hữu hoặc nhận chuyển giao quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp;

b) Là chủ sở hữu hoặc nhận chuyển giao quyền sử dụng đối với giống cây trồng;

c) Có kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được chuyển giao, ứng dụng vào sản xuất, kinh doanh;

d) Tiếp nhận chuyển giao công nghệ;

đ) Đầu tư, mua sắm mới hoặc nâng cấp máy móc, thiết bị hoặc thay đổi quy trình sản xuất để tạo ra sản phẩm mới, cải tiến sản phẩm hoặc sản xuất hiệu quả hơn (giảm giá thành sản xuất sản phẩm, giảm tiêu thụ năng lượng, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, giảm phát thải và đạt các chỉ tiêu về môi trường, ...vvv);

e) Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng hoặc các tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật và chứng nhận chuyên ngành;

2. Quyền sở hữu công nghiệp là quyền của tổ chức, cá nhân đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu và quyền chống cạnh tranh không lành mạnh.

3. Hệ thống quản lý chất lượng và tiêu chuẩn chứng nhận chuyên ngành là một trong các tiêu chuẩn như: Tiêu chuẩn ISO; HACCP; GMP, KPI; TPM; TQM; Thực hành 5S; VietGap; Global Gap; BRC; ASTM; JISG3505; JIS3112;...vvv và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam.

Chương II

ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHÍ, QUY TRÌNH, THỦ TỤC XÉT CHỌN DOANH NGHIỆP ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ TIÊU BIỂU

Điều 8. Điều kiện xét chọn

Các doanh nghiệp tham gia xét chọn Danh hiệu “Doanh nghiệp đổi mới công nghệ tiêu biểu” phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

1. Ít nhất một trong ba năm 2016, 2017, 2018 có hoạt động đổi mới công nghệ;

2. Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về: doanh nghiệp, đầu tư, lao động, đất đai, xây dựng, đấu thầu, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động;

3. Tổ chức sản xuất, kinh doanh ổn định và phát triển, có doanh thu, lợi nhuận năm sau cao hơn năm trước trong 3 năm 2016-2018;

4. Chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính, thuế và các khoản thu khác của ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

5. Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng và sở hữu trí tuệ;

6. Có thời gian hoạt động từ 05 năm trở lên kể từ khi thành lập doanh nghiệp đến thời điểm xét chọn, tôn vinh;

7. Thực hiện tốt công tác trật tự an ninh, quốc phòng, an toàn xã hội, tham gia các phong trào do địa phương nơi doanh nghiệp đóng trên địa bàn phát động;

8. Doanh nghiệp chưa được công nhận Danh hiệu theo Quyết định số 2870/QĐ-BKHCN ngày 01/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành danh sách các doanh nghiệp đổi mới công nghệ tiêu biểu năm 2016-2017.

Điều 9. Tiêu chí xét chọn, đánh giá

1. Tiêu chí xét chọn doanh nghiệp đổi mới công nghệ tiêu biểu

Doanh nghiệp đạt từ 65 điểm trở lên, trong đó số điểm về đổi mới công nghệ đạt ít nhất 40 điểm.

Trường hợp có nhiều hơn số lượng doanh nghiệp đạt các tiêu chí xét chọn thì lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp. Trường hợp hai hay nhiều doanh nghiệp có điểm bằng nhau thì xét điểm của các tiêu chí theo thứ tự ưu tiên như sau: Thực hiện đổi mới công nghệ; Áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng; Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp; Tham gia các hoạt động cộng đồng.

2. Tiêu chí đánh giá các doanh nghiệp đổi mới công nghệ tiêu biểu

Bao gồm 03 nhóm tiêu chí (quy định cụ thể tại *Mẫu số 2 kèm theo Quy chế này*) với điểm tối đa là 100 điểm:

- Nhóm tiêu chí chung;
- Nhóm tiêu chí về hoạt động đổi mới công nghệ;
- Nhóm tiêu chí khuyến khích.

Điều 10. Quy trình xét chọn, tôn vinh

1. Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ) gửi thông báo Quy chế đến UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết tắt là UBND tỉnh).

2. UBND tỉnh (Sở Khoa học và Công nghệ) thông báo Quy chế đến các doanh nghiệp trên địa bàn, doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký đến Sở Khoa học và Công nghệ của địa phương nơi doanh nghiệp đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh (trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện).

3. Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận hồ sơ của các doanh nghiệp, rà soát, tổng hợp theo các điều kiện quy định tại Điều 8 và gửi Hội đồng xét chọn của UBND tỉnh. Hội đồng xét chọn của UBND tỉnh có nhiệm vụ đánh giá, xét chọn hồ sơ đăng ký của doanh nghiệp theo các điều kiện, tiêu chí được quy định tại Điều 8, Điều 9 và trình Lãnh đạo UBND tỉnh danh sách các doanh nghiệp được lựa chọn. Lãnh đạo UBND tỉnh có ý kiến và gửi hồ sơ theo Khoản 3 Điều 11 về Bộ Khoa học và Công nghệ.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ) tiếp nhận hồ sơ từ UBND tỉnh, gửi Hội đồng xét chọn của Bộ tổ chức họp xem xét hồ sơ của từng doanh nghiệp để lựa chọn doanh nghiệp đổi mới công nghệ tiêu biểu.

Trong quá trình xem xét hồ sơ của từng doanh nghiệp, nếu thấy cần thiết Hội đồng có thể tổ chức kiểm tra thực tế tại doanh nghiệp.

5. Hội đồng xét chọn của Bộ hoàn thiện hồ sơ trình Trưởng Ban Tổ chức xem xét quyết định các doanh nghiệp đạt Danh hiệu.

6. Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức Lễ tôn vinh doanh nghiệp đạt Danh hiệu.

Điều 11. Thủ tục nộp hồ sơ

1. Yêu cầu về hồ sơ đăng ký của doanh nghiệp

Doanh nghiệp gửi hai (02) bộ hồ sơ (Bản chính) gồm:

a) Phiếu đăng ký tham gia xét chọn (*Mẫu số 1 kèm theo Quy chế này*);

b) Báo cáo kết quả hoạt động đổi mới công nghệ của doanh nghiệp (*Mẫu số 2 kèm theo Quy chế này*);

c) Hồ sơ chứng minh về hoạt động đổi mới công nghệ (nếu có):

- Tài liệu chứng minh quyền sở hữu: Bằng bảo hộ giống cây trồng, bằng độc quyền sáng chế, Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp (KDCN), Bằng độc quyền giải pháp hữu ích (GPHI), Giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa;

- Tài liệu chứng minh nhận chuyển giao quyền sử dụng: Bằng bảo hộ giống cây trồng, bằng độc quyền sáng chế, Bằng độc quyền KDCN, Bằng độc quyền GPHI, Giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa;

- Giấy tờ chứng minh các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do doanh nghiệp tự nghiên cứu, phát triển;

- Hợp đồng nhận hoặc chuyển giao kết quả tự nghiên cứu, công nghệ (bao gồm hoặc không bao gồm máy móc, thiết bị);

- Hợp đồng mua sắm mới máy móc thiết bị (không bao gồm chuyển giao công nghệ);

- Hợp đồng nâng cấp, cải tiến máy móc, thiết bị;

- Tài liệu chứng nhận doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý chất lượng và các tiêu chuẩn chứng nhận chuyên ngành.

d) Các tài liệu liên quan đến doanh nghiệp:

- Giấy đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp;

- Tài liệu xác nhận đủ điều kiện phòng cháy chữa cháy;

- Tài liệu xác nhận của cơ quan quản lý môi trường và các giấy tờ khác chứng minh doanh nghiệp thực hành tốt các quy định về bảo vệ môi trường;

- Giấy chứng nhận huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và Báo cáo kết quả thực hiện quan trắc môi trường lao động;

- Tài liệu xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc thực hiện pháp luật về bảo hiểm xã hội.

đ) Báo cáo tài chính của 3 năm 2016-2018;

e) Giấy xác nhận của cơ quan quản lý thuế và các giấy tờ khác chứng minh doanh nghiệp đã hoàn thành nghĩa vụ thuế trong 3 năm 2016-2018;

g) Tài liệu chứng minh thực hiện tốt công tác trật tự an ninh, quốc phòng, an toàn xã hội, tham gia các phong trào do địa phương nơi doanh nghiệp đóng trên địa bàn phát động:

- Xác nhận của địa phương về việc doanh nghiệp thực hiện tốt công tác trật tự an ninh, quốc phòng, an toàn xã hội;

- Các thành tích giải thưởng và giấy tờ chứng minh tham gia các hoạt động phong trào do địa phương phát động.

h) Văn bản xác nhận của địa phương nếu doanh nghiệp thuộc đối tượng doanh nghiệp sản xuất sản phẩm chủ lực của các tỉnh vùng nông thôn, miền núi, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn;

i) Tài liệu chứng minh doanh nghiệp thành lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ và phòng nghiên cứu và phát triển.

Hồ sơ quy định tại Khoản 1 Điều này (trừ điểm đ) là các bản photo có xác nhận của doanh nghiệp hoặc công chứng.

2. Yêu cầu về hồ sơ của UBND tỉnh gửi Bộ KH&CN

Hồ sơ của UBND tỉnh gửi Bộ Khoa học và Công nghệ (Thông qua Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ, tầng 10 tòa nhà Bộ Khoa học và Công nghệ, 113 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội), bao gồm:

a) Công văn kèm theo danh sách doanh nghiệp được lựa chọn và bảng điểm của doanh nghiệp;

b) Bản sao y bản chính các tài liệu: Biên bản họp của Hội đồng xét chọn của UBND tỉnh (Mẫu số 4 kèm theo Quy chế này), phiếu đánh giá (Mẫu số 3 kèm theo Quy chế này) và bảng điểm (Mẫu số 5 kèm theo Quy chế này);

c) 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này của từng doanh nghiệp được Hội đồng lựa chọn (bản chính).

3. Thời gian và nơi gửi hồ sơ

a) Doanh nghiệp gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này về UBND tỉnh (thông qua Sở Khoa học và Công nghệ) chậm nhất ngày **10/8/2019** (tính theo dấu bưu điện);

b) UBND tỉnh gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này về Bộ Khoa học và Công nghệ (qua Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ) chậm nhất ngày **10/9/2019** (tính theo dấu bưu điện).

4. Hồ sơ trình Trưởng Ban Tổ chức

a) Tờ trình của Hội đồng xét chọn của Bộ;

b) Biên bản họp Hội đồng xét chọn của Bộ và bảng điểm tổng hợp của các doanh nghiệp;

c) Dự thảo Quyết định của Trưởng Ban tổ chức ban hành danh sách doanh nghiệp đổi mới công nghệ tiêu biểu.

Chương III

HỘI ĐỒNG XÉT CHỌN DANH HIỆU

Điều 12. Hội đồng xét chọn của UBND tỉnh

Hội đồng xét chọn của UBND tỉnh có từ 7-9 thành viên do Chủ tịch UBND tỉnh ra quyết định thành lập, gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.
- Phó chủ tịch Hội đồng: Lãnh đạo Ban thi đua khen thưởng của tỉnh.
- Các Ủy viên Hội đồng: nhà quản lý, nhà khoa học, doanh nghiệp và các chuyên gia trong lĩnh vực có liên quan.

Điều 13. Hội đồng xét chọn của Bộ Khoa học và Công nghệ

Hội đồng xét chọn của Bộ có từ 9-11 thành viên do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập, gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Phó Chủ tịch Hội đồng: Lãnh đạo Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ, Lãnh đạo Vụ Thi đua - Khen thưởng.
- Các Ủy viên Hội đồng: nhà quản lý, nhà khoa học, doanh nghiệp và các chuyên gia trong lĩnh vực có liên quan.

Điều 14. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng

1. Phiên họp của Hội đồng xét chọn của Bộ Khoa học và Công nghệ và Hội đồng xét chọn của UBND tỉnh phải có ít nhất 2/3 số thành viên có mặt, trong đó có Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch được Chủ tịch ủy quyền.

2. Mỗi thành viên của Hội đồng có trách nhiệm nghiên cứu, nhận xét và đánh giá hồ sơ đề nghị xét chọn theo *Mẫu số 3 kèm theo Quy chế này*.

Điều 15. Kinh phí tổ chức Hội đồng

1. Kinh phí tổ chức Hội đồng xét chọn của UBND tỉnh lấy từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Kinh phí tổ chức Hội đồng xét chọn của Bộ Khoa học và Công nghệ lấy từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ của Trung ương.

3. Định mức chi cho Hội đồng như mức chi của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN (Theo hướng dẫn tại Thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước).

Chương IV

QUYỀN LỢI, TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ DOANH NGHIỆP ĐẠT DANH HIỆU

Điều 16. Quyền lợi của doanh nghiệp đạt Danh hiệu

1. Được vinh danh và tuyên dương tại Lễ tôn vinh.
2. Được nhận Cúp lưu niệm và Giấy chứng nhận của Ban Tổ chức.

3. Được dùng hình ảnh Danh hiệu trong quá trình phát triển sản xuất kinh doanh.

4. Tên doanh nghiệp được vinh danh trong Lễ tôn vinh; Thương hiệu của doanh nghiệp, bài viết giới thiệu doanh nghiệp được công bố trên các phương tiện thông tin truyền thông của Bộ Khoa học và Công nghệ, cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ (www.most.gov.vn), cổng thông tin của Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ (www.sati.gov.vn) và cổng thông tin của UBND tỉnh nơi doanh nghiệp đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh.

5. Các doanh nghiệp đạt số điểm từ 85 trở lên được xem xét, đề nghị tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 17. Trách nhiệm và nghĩa vụ của doanh nghiệp đạt Danh hiệu

1. Cung cấp thông tin đầy đủ chính xác về doanh nghiệp, chịu trách nhiệm về hồ sơ đăng ký.

2. Không được lợi dụng Danh hiệu này để thực hiện những hoạt động trái với quy định của pháp luật.

3. Tuyên truyền, phổ biến các bài học kinh nghiệm, giữ gìn và phát huy Danh hiệu đã đạt được.

Chương V

TỔ CHỨC LỄ TÔN VINH

Điều 18. Thời gian tổ chức

1. Lễ tôn vinh được tổ chức vào Quý IV/2019.

2. Thành phần buổi lễ:

Lễ tôn vinh có sự tham gia của các doanh nghiệp đạt Danh hiệu cùng khách mời, gồm: Lãnh đạo Đảng, Chính phủ, các bộ, ban, ngành và địa phương, Hiệp hội ngành/nghề và cơ quan truyền thông.

Điều 19. Kinh phí tổ chức

1. Nguồn kinh phí tổ chức Lễ tôn vinh được bố trí từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ của Trung ương và địa phương;

2. Nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước (tự nguyện) và các nguồn kinh phí hợp pháp khác;

3. Không thu kinh phí từ những doanh nghiệp tham gia xét chọn doanh nghiệp đổi mới công nghệ tiêu biểu dưới bất kỳ hình thức nào trong suốt quá trình trước, trong và sau khi tổ chức xét chọn, tôn vinh.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Xử lý vi phạm

1. Trường hợp phát hiện có gian dối trong việc kê khai hồ sơ đăng ký thì Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ có trách nhiệm báo cáo và trình Trường Ban Tổ chức ban hành Quyết định thu hồi cúp lưu niệm, giấy chứng nhận và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, lãnh đạo doanh nghiệp hoặc cá nhân kê khai hồ sơ đăng ký không chính xác thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân xác định thành tích sai cho doanh nghiệp, tùy theo mức độ vi phạm thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm bố trí kinh phí, tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Văn Tùng

TỈNH, THÀNH PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

PHIẾU ĐĂNG KÝ

Tham gia xét chọn Danh hiệu “Doanh nghiệp đổi mới công nghệ tiêu biểu”

Kính gửi: UBND tỉnh/thành phố ...

(thông qua Sở Khoa học và Công nghệ)

Tên doanh nghiệp:

Quy mô doanh nghiệp: Lớn ☐ Vừa ☐ Nhỏ ☐

Đơn vị chủ quản (nếu có):

Mã số thuế:Mã số doanh nghiệp:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.....do

..... cấp ngày

Ngành nghề kinh doanh chính:

.....

.....

.....

Địa chỉ liên lạc.....

Người đại diện:.....Chức vụ

Điện thoại:...../Di động.....Email:

Người liên lạc:.....Chức vụ

Điện thoại:...../Di động.....Email:

Doanh nghiệp đã tìm hiểu Quy chế xét chọn, tôn vinh Danh hiệu “Doanh nghiệp đổi mới công nghệ tiêu biểu” do Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức và xin đăng ký tham gia.

Hồ sơ đăng ký theo quy định tại Khoản 1, Điều 11¹.

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

(ký tên, đóng dấu)

¹ Doanh nghiệp lưu ý nội dung này để chuẩn bị đầy đủ các hồ sơ theo quy định

TỈNH, THÀNH PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

BÁO CÁO**Kết quả hoạt động và đổi mới công nghệ của doanh nghiệp****I. Nhóm tiêu chí chung**

STT	Tiêu chí	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng			
2	Doanh thu	Triệu đồng			
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng			
4	Chi cho đổi mới công nghệ	Triệu đồng			
5	Nộp ngân sách	Triệu đồng			
6	Số lượng nhân lực có trình độ từ cao đẳng trở lên	Người			
7	Số lượng cán bộ, công nhân lao động	Người			
8	Bình quân thu nhập đầu người/tháng	Triệu đồng			
9	Tỷ lệ % chi cho đổi mới công nghệ so với tổng doanh thu	%			
10	Tỷ lệ % doanh thu so với tổng nguồn vốn	%			
11	Tỷ lệ % lợi nhuận sau thuế so với tổng doanh thu	%			
12	Tỷ lệ % nộp ngân sách nhà nước so với tổng doanh thu	%			
13	Tỷ lệ % số lượng nhân lực có trình độ từ cao đẳng trở lên so với tổng số cán bộ, công nhân lao động	%			

II. Nhóm tiêu chí về hoạt động đổi mới công nghệ**1. NHÓM A:****Nhóm A1:**

1) Sở hữu Bằng bảo hộ giống cây trồng còn hạn sử dụng ít nhất đến năm 2016

STT	Tên giống cây trồng	Năm cấp	Đã ứng dụng SX-KD
1	...		☐
2	...		☐

2) Sở hữu Bằng độc quyền Sáng chế còn hạn sử dụng ít nhất đến năm 2016

STT	Tên sáng chế	Năm cấp	Đã ứng dụng SX-KD
1	...		☐
2	...		☐

Nhóm A2:

1) Sở hữu Giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn còn hạn sử dụng ít nhất đến năm 2016

STT	Tên thiết kế	Năm cấp	Đã ứng dụng SX-KD
1	...		☐
2	...		☐

2) Sở hữu Bằng độc quyền KDCN còn hạn sử dụng ít nhất đến năm 2016

STT	Tên kiểu dáng	Năm cấp	Đã ứng dụng SX-KD
1	...		☐
2	...		☐

3) Sở hữu Bằng độc quyền GPHI còn hạn sử dụng ít nhất đến năm 2016

STT	Tên sáng chế GPHI	Năm cấp	Đã ứng dụng SX-KD
1	...		☐
2	...		☐

Nhóm A3:

1) Nhận quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn còn hạn sử dụng ít nhất đến năm 2016

Có ☐ ☐ Năm nhận:

Không ☐

Nếu “có” thì điền thông tin văn bằng:

STT	Tên thiết kế	Năm cấp	Đã ứng dụng SX-KD
1	...		☐
2	...		☐

2) Nhận quyền sử dụng Bằng độc quyền KDCN còn hạn sử dụng ít nhất đến năm 2016

Có ☐ ☐ Năm nhận:

Không ☐

Nếu “có” thì điền thông tin văn bằng:

STT	Tên kiểu dáng	Năm cấp	Đã ứng dụng SX-KD
1	...		☐
2	...		☐

3) Nhận quyền sử dụng Bằng bảo hộ giống cây trồng còn hạn sử dụng ít nhất đến năm 2016

Có ☐ ☐ Năm nhận:

Không ☐
 Nếu “có” thì điền thông tin văn bằng:

STT	Tên giống cây trồng	Năm cấp	Đã ứng dụng SX-KD
1	...		☐
2	...		☐

4) Nhận quyền sử dụng Bằng độc quyền Sáng chế còn hạn sử dụng ít nhất đến năm 2016

Có ☐ ☐ Năm nhận:

Không ☐

Nếu “có” thì điền thông tin văn bằng:

STT	Tên sáng chế	Năm cấp	Đã ứng dụng SX-KD chưa?
1	...		☐
2	...		☐

5) Nhận quyền sử dụng Bằng độc quyền GPHI còn hạn sử dụng ít nhất đến năm 2016

Có ☐ ☐ Năm nhận:

Không ☐

Nếu “có” thì điền thông tin văn bằng:

STT	Tên sáng chế	Năm cấp	Đã ứng dụng SX-KD chưa?
1	...		☐
2	...		☐

6) Kết quả tự nghiên cứu được doanh nghiệp chuyển giao cho đơn vị khác phục vụ sản xuất kinh doanh trong 3 năm 2016-2018

Có ☐ ☐ Số lượng kết quả NC chuyển giao:

Không ☐

7) Doanh nghiệp chuyển giao công nghệ cho đơn vị khác (bao gồm hoặc không gồm máy móc, thiết bị) trong 3 năm 2016-2018

Có ☐ ☐ Số lượng công nghệ chuyển giao:

Không ☐

Nhóm A4:

1) Kết quả doanh nghiệp tự nghiên cứu được ứng dụng vào sản xuất, kinh doanh trong 3 năm 2016-2018

Có ☐ ☐ Số lượng kết quả NC được ứng dụng:

Không ☐

2) Doanh nghiệp nhận kết quả nghiên cứu của đơn vị khác để ứng dụng vào sản xuất kinh doanh trong 3 năm 2016-2018

Có ☐ ☐ Số lượng kết quả NC nhận:

Không ☐

3) Doanh nghiệp nhận chuyển giao công nghệ từ đơn vị khác (bao gồm hoặc không gồm máy móc, thiết bị) trong 3 năm 2016-2018

Có ☐ ☐ Số lượng công nghệ nhận:

- Không ☐
- 4) Doanh nghiệp đầu tư, mua sắm mới máy móc, thiết bị (không bao gồm chuyển giao công nghệ) trong 3 năm 2016-2018
- Có ☐
- Không ☐

Nhóm A5:

- 1) Doanh nghiệp sở hữu Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu còn hạn sử dụng tối thiểu đến năm 2016
- Có ☐
- Không ☐
- 2) Doanh nghiệp nhận quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu còn hạn sử dụng tối thiểu đến năm 2016
- Có ☐
- Không ☐
- 3) Doanh nghiệp nâng cấp, cải tiến máy móc, thiết bị trong 3 năm 2016-2018
- Có ☐
- Không ☐
- 4) Doanh nghiệp thay đổi quy trình sản xuất để tạo ra sản phẩm mới, cải tiến sản phẩm trong 3 năm 2016-2018
- Có ☐
- Không ☐

2. NHÓM B: Áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng và/hoặc đạt các tiêu chuẩn chứng nhận chuyên ngành còn hạn tối thiểu đến năm 2016.

Nhóm	Tên tiêu chuẩn	
B1	- ISO,	☐
	- HACCP,	☐
	- GMP	☐
	- KPI	☐
	- TPM	☐
	- TQM	☐
	- Thực hành 5S	☐
	- VietGap,	☐
	- Global Gap,	☐
	- BRC	☐
B2	- GMP-ASEAN	☐
	- GMP-WTO	☐
	- PIC/S	☐
	- EU-GMP	☐
B3	- ASTM	☐
	- JISG3505	☐
	- JIS3112	☐

III. Nhóm tiêu chí khuyến khích

STT	Tiêu chí	Ghi chú
-----	----------	---------

10	Đạt các Danh hiệu, giải thưởng trong 3 năm 2016-2018: - Tên giải thưởng: ... , Năm đạt giải: ... - Tên giải thưởng: ... , Năm đạt giải:	☐ ☐	
11	Có quỹ phát triển khoa học và công nghệ và/hoặc có đơn vị chuyên nghiên cứu và phát triển vẫn còn hoạt động trong 3 năm 2016-2018	☐	
12	Tham gia các hoạt động vì cộng đồng trong 3 năm 2016-2018: - Hoạt động hiến máu nhân đạo - Hoạt động ủng hộ đồng bào lũ lụt - Hoạt động khác: ...	☐ ☐ ☐	
13	Là doanh nghiệp sản xuất sản phẩm chủ lực của các tỉnh vùng nông thôn, miền núi, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn trong giai đoạn 2016-2018.	☐	

PHIẾU ĐÁNH GIÁ, CHO ĐIỂM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG CẤP ...

1. Họ và tên chuyên gia:

2. Đơn vị công tác:.....

3. Tên doanh nghiệp được đánh giá:

4. Các chỉ tiêu đánh giá, cho điểm:

4.1. Nhóm tiêu chí chung:

Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Điểm TB
Nhóm tiêu chí chung (= (1) + (2) + (3) + (4) + (5) + (6))	<u>30</u>				
(1) Tỷ lệ % chi cho đổi mới công nghệ so với tổng doanh thu	<u>6</u>				
(2) Tỷ lệ doanh thu so với tổng nguồn vốn	<u>5</u>				
(3) Tỷ lệ % lợi nhuận sau thuế so với tổng doanh thu	<u>5</u>				
(4) Tỷ lệ % nộp ngân sách nhà nước so với tổng doanh thu	<u>5</u>				
(5) Tỷ lệ số lượng nhân lực có trình độ từ cao đẳng trở lên so với tổng số cán bộ, công nhân lao động	<u>4</u>				
(6) Bình quân thu nhập đầu người/tháng	<u>5</u>				

4.2. Nhóm tiêu chí về hoạt động đổi mới:

	Điểm tối đa	Điểm đánh giá
Nhóm tiêu chí về hoạt động đổi mới (= Nhóm A + Nhóm B)	60	
Nhóm A (= 30+(1)+(2)+(3)+(4)+(5))	<u>50</u>	
(1) Nhóm A1	<u>6</u>	
(2) Nhóm A2	<u>5</u>	
(3) Nhóm A3	<u>4</u>	
(4) Nhóm A4	<u>3</u>	

(5) Nhóm A5	<u>2</u>	
Nhóm B (= điểm lớn nhất trong 3 nhóm)	<u>10</u>	
(1) Nhóm B1	<u>5</u>	
(2) Nhóm B2	<u>8</u>	
(3) Nhóm B3	<u>10</u>	

4.3. Nhóm tiêu chí khuyến khích

	Điểm tối đa	Điểm đánh giá
Nhóm tiêu chí khuyến khích (= (1) + (2) + (3) + (4))	<u>10</u>	
(1) Đạt các danh hiệu, giải thưởng	<u>4</u>	
(2) Có quỹ phát triển khoa học và công nghệ và/hoặc có đơn vị chuyên nghiên cứu và phát triển	<u>4</u>	
(3) Tham gia các hoạt động từ thiện, xã hội	<u>1</u>	
(4) Là doanh nghiệp sản xuất sản phẩm chủ lực của các tỉnh vùng nông thôn, miền núi, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn	<u>1</u>	

4.4. Tổng điểm

.../100

5. Nhận xét, đánh giá chung:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

6. Kết quả đánh giá

Đạt (điểm TB từ 65 điểm trở lên, trong đó điểm về đổi mới công nghệ đạt ít nhất 40 điểm) ☐

Không đạt (điểm TB dưới 65 điểm) ☐

(Đánh dấu “✓” vào ô thích hợp)

Ngày tháng năm 20...
(Chuyên gia đánh giá ký, ghi rõ họ tên)

**SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG
NGHỆ TỈNH**
**HỘI ĐỒNG XÉT CHỌN
DOANH NGHIỆP ĐỔI MỚI
CÔNG NGHỆ TIÊU BIỂU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

BIÊN BẢN
HỘI ĐỒNG XÉT CHỌN DOANH NGHIỆP
ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ TIÊU BIỂU

Ngày .../.../20..., tại,
Sở Khoa học và Công nghệ đã tổ chức cuộc họp của Hội đồng xét chọn doanh nghiệp
đổi mới công nghệ tiêu biểu để rà soát các hồ sơ trước khi trình UBND tỉnh.

I. Thành phần tham dự

1) ...

2) ...

...

II. Diễn biến cuộc họp

1. Kết quả rà soát và thẩm định hồ sơ

1.1. Về hồ sơ đề nghị xét tôn vinh

.....

1.2. Kết quả thẩm định hồ sơ

Về điều kiện:

.....

Về tiêu chí:

.....

2. Ý kiến các thành viên

.....

III. Kết luận

.....

Danh sách doanh nghiệp đạt:

1.

2.

.v.v.

Biên bản này đã được đọc lại cho các thành viên Hội đồng xét chọn Danh hiệu
doanh nghiệp đổi mới công nghệ tiêu biểu dự họp cùng nghe và thống nhất thông qua
nội dung Biên bản.

THƯ KÝ CỦA HỘI ĐỒNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

Bảng điểm trung bình của các thành viên Hội đồng cho từng doanh nghiệp

STT	Tên doanh nghiệp	Nhóm tiêu chí chung	Nhóm tiêu chí về hoạt động ĐMCN	Nhóm tiêu chí khuyến khích	Tổng điểm
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					

GIẢI THÍCH TỪ NGỮ VÀ HƯỚNG DẪN ĐIỀN PHIẾU

Mẫu số 1. Phiếu đăng ký

1. Tên doanh nghiệp: Ghi tên chính thức của doanh nghiệp bằng chữ in hoa theo quyết định thành lập doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Tên đơn vị chủ quản: là các tổ chức, đơn vị nhà nước hoặc tư nhân mà doanh nghiệp trực thuộc, ví dụ: Tổng công ty, Bộ, Sở, ...
3. Mã số thuế: Ghi mã số thuế do cơ quan Thuế/cơ quan Quản lý đăng ký kinh doanh cấp.
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: ghi rõ số và ngày tháng năm cấp giấy do cơ quan có thẩm quyền cấp
5. Ngành nghề kinh doanh chính: ghi không quá 5 ngành nghề kinh doanh
6. Địa chỉ liên lạc: Ghi địa chỉ trụ sở giao dịch chính của doanh nghiệp. Ghi đầy đủ, không viết tắt các thông tin theo yêu cầu vào các dòng tương ứng trong phiếu điều tra để ghi mã đúng. Các ô mã trong mục địa chỉ do Cơ quan Thống kê ghi.
7. Người đại diện: là người đại diện pháp luật của doanh nghiệp
8. Người liên lạc: là người đầu mối liên lạc của doanh nghiệp

Mẫu số 2. Kết quả hoạt động và đổi mới công nghệ của doanh nghiệp

I. Nhóm chỉ tiêu chung

9. Tổng nguồn vốn của doanh nghiệp là giá trị của toàn bộ tài sản hữu hình và vô hình được đầu tư vào sản xuất, kinh doanh.
10. Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm phát triển vốn chủ sở hữu
11. Lợi nhuận sau thuế là lợi nhuận sau khi đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp
12. Chi cho đổi mới công nghệ gồm các khoản chi cho các hoạt động đổi mới công nghệ.
13. Nộp ngân sách nhà nước gồm:
Các khoản thuế: Là các loại thuế mà doanh nghiệp phải nộp và đã nộp vào ngân sách Nhà nước trong năm. Gồm Thuế GTGT hàng bán nội địa, Thuế GTGT hàng nhập khẩu, Thuế Tiêu thụ đặc biệt, Thuế Xuất khẩu, Thuế hàng hoá nhập khẩu, Thuế Thu nhập doanh nghiệp...
Các khoản phải nộp khác: Là các khoản phí, lệ phí và các khoản nộp khác ngoài thuế mà doanh nghiệp phải nộp trong năm theo qui định của Nhà nước (tiền thuê đất, phí bảo vệ môi trường, ...).
14. Số lượng lao động có trình độ từ cao đẳng trở lên ở tất cả lĩnh vực.
15. Số lượng cán bộ, công nhân lao động: bao gồm toàn bộ người lao động trong doanh nghiệp.

16. Bình quân thu nhập đầu người/tháng là tổng thu nhập của toàn bộ người lao động trong 1 năm chia cho tổng số lao động trong doanh nghiệp và chia cho 12 tháng:

$$\text{Bình quân thu nhập đầu người/tháng} = \frac{\text{tổng thu nhập của toàn bộ người lao động trong năm}}{\text{Tổng số lao động} \times 12}$$

II. Nhóm chỉ tiêu về hoạt động đổi mới công nghệ

17. Sản phẩm mới là sản phẩm được hình thành trong quá trình sản xuất thông qua các hoạt động đổi mới công nghệ.
18. Quy trình sản xuất mới là các quy trình sản xuất chính thức của doanh nghiệp lần đầu được áp dụng vào sản xuất để tạo ra các sản phẩm mới.
19. Kết quả tự nghiên cứu được ứng dụng phục vụ sản xuất kinh doanh: kết quả từ hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của doanh nghiệp và phải được ứng dụng vào sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đó.
20. Kết quả tự nghiên cứu chuyển giao cho đơn vị khác phục vụ sản xuất kinh doanh: Kết quả từ hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ của doanh nghiệp được chuyển giao cho doanh nghiệp khác để ứng dụng vào sản xuất kinh doanh.
21. Nhận kết quả nghiên cứu để ứng dụng vào sản xuất kinh doanh: doanh nghiệp nhận kết quả nghiên cứu và phát triển công nghệ từ tổ chức, doanh nghiệp khác để ứng dụng vào sản xuất kinh doanh.
22. Chuyển giao công nghệ (bao gồm hoặc không gồm máy móc, thiết bị): Doanh nghiệp chuyển giao công nghệ mà doanh nghiệp sở hữu cho tổ chức, doanh nghiệp khác.
23. Nhận chuyển giao công nghệ (bao gồm hoặc không gồm máy móc, thiết bị): Doanh nghiệp nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức, doanh nghiệp khác để tạo ra quy trình mới, sản phẩm mới phục vụ sản xuất kinh doanh.
24. Đầu tư, mua sắm mới máy móc, thiết bị (không bao gồm chuyển giao công nghệ) để phục vụ sản xuất kinh doanh: Doanh nghiệp mua máy móc, thiết bị mới để phục vụ sản xuất kinh doanh, không phải mua phụ tùng về để nâng cấp, thay thế, cải tiến máy móc sẵn có.
25. Nâng cấp, cải tiến máy móc, thiết bị: là mua bộ phận, hoặc một phần của máy móc thiết bị sẵn có để nâng cấp, cải tiến nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.
26. Chủ sở hữu đối tượng quyền sở hữu trí tuệ: doanh nghiệp là chủ sở hữu hợp pháp của đối tượng quyền sở hữu trí tuệ gồm: Sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng.
Ghi rõ tên đối tượng bảo hộ, năm cấp bằng và trạng thái ứng dụng vào sản xuất hay chưa.
27. Nhận quyền sử dụng đối tượng sở hữu trí tuệ: doanh nghiệp chỉ có quyền sử dụng, không có quyền sở hữu. Đối tượng sở hữu gồm: Sáng chế, giải

pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng.

28. Áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng và/hoặc đạt các tiêu chuẩn chứng nhận chuyên ngành.

- Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng được các cơ quan có thẩm quyền đánh giá đủ điều kiện và cấp giấy chứng nhận.

- Đạt các tiêu chuẩn chứng nhận chuyên ngành: sản phẩm của doanh nghiệp đạt các tiêu chuẩn cơ sở, tiêu chuẩn và quy chuẩn quốc gia (TCVN, QCVN), tiêu chuẩn quốc tế.

III. Nhóm tiêu chí khuyến khích

29. Đạt danh hiệu giải thưởng: ghi rõ những giải thưởng mà doanh nghiệp đạt được trong 3 năm 2016-2018.
30. Có quỹ phát triển khoa học và công nghệ và/hoặc có đơn vị chuyên nghiên cứu và phát triển vẫn còn hoạt động trong 3 năm 2016-2018: doanh nghiệp có thể có quỹ phát triển khoa học và công nghệ hoặc có đơn vị chuyên nghiên cứu và phát triển hoặc có cả 2
31. Tham gia các hoạt động vì cộng đồng trong 3 năm 2016-2018: tham gia các hoạt động do địa phương mà doanh nghiệp đặt trụ sở tổ chức. Ghi rõ những hoạt động nào.
32. Là doanh nghiệp sản xuất sản phẩm chủ lực của các tỉnh vùng nông thôn, miền núi, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn: doanh nghiệp sản xuất sản phẩm chủ lực do UBND tỉnh, thành phố xác nhận.

Hướng dẫn tính điểm

I. Nhóm chỉ tiêu chung (tối đa 30 điểm)

- Tỷ lệ % chi cho đổi mới công nghệ so với tổng doanh thu: Chỉ tiêu này thể hiện một đồng chi cho đổi mới công nghệ tạo ra bao nhiêu doanh thu.

Đối với doanh nghiệp lớn:

Tỷ lệ	0% → 1,3%	1,3% ≤ → 2,5%	2,5% ≤ → 3,5%	3,5% ≤ → 4,5%	4,5% ≤ → 5%	≥ 5%
Điểm	3,5	4	4,5	5	5,5	6

Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa:

Tỷ lệ	0% → 2,5%	2,5% ≤ → 5%	5% ≤ → 7%	7% ≤ → 9%	9% ≤ → 10%	≥ 5%
Điểm	3,5	4	4,5	5	5,5	6

- Tỷ lệ % doanh thu so với tổng nguồn vốn: Chỉ tiêu này cho biết hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của doanh nghiệp: một đồng vốn kinh doanh sẽ tạo ra được bao nhiêu đồng doanh thu. Do đó, nó có ý nghĩa khuyến khích các doanh nghiệp trong việc quản lý vốn chặt chẽ, sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả đồng vốn kinh doanh.

Tỷ lệ	0 → 75%	75% ≤ → 150%	150% ≤ → 250%	250% ≤ → 350%	350% ≤ → 400%	≥ 400%
Điểm	2,5	3	3,5	4	4,5	5

- Tỷ lệ % lợi nhuận sau thuế so với tổng doanh thu: Chỉ tiêu này cho biết doanh nghiệp tạo ra được bao nhiêu đồng lợi nhuận từ một đồng doanh thu thuần. Chỉ tiêu này có ý nghĩa khuyến khích doanh nghiệp tăng doanh thu, giảm chi phí hoặc tốc độ tăng doanh thu phải lớn hơn tốc độ tăng chi phí.

Tỷ lệ	0% → 6%	6% ≤ → 12%	12% ≤ → 16%	16% ≤ → 20%	20% ≤ → 24%	≥ 24%
Điểm	2,5	3	3,5	4	4,5	5

- Tỷ lệ % nộp ngân sách nhà nước so với tổng doanh thu: Nộp ngân sách càng nhiều thì đóng góp cho nhà nước và xã hội càng nhiều

Tỷ lệ	0% → 0,8%	0,8% ≤ → 1,5%	1,5% ≤ → 2%	2% ≤ → 2,5%	2,5% ≤ → 3%	≥ 3%
Điểm	2,5	3	3,5	4	4,5	5

- Tỷ lệ % lao động có trình độ từ cao đẳng trở lên so với Tổng số cán bộ, công nhân lao động: Chỉ tiêu này đánh giá tiềm năng đổi mới công nghệ của doanh nghiệp

Tỷ lệ	0% → 2%	2% ≤ → 4%	4% ≤ → 5,5%	5,5% ≤ → 7,5%	7% ≤ → 8%	≥ 8%
Điểm	1,5	2	2,5	3	3,5	4

- Bình quân thu nhập đầu người/tháng (triệu đồng): Thu nhập hàng tháng của lao động càng cao thì điểm doanh nghiệp càng cao

	0 → 5	5 ≤ → 10	10 ≤ → 13	13 ≤ → 16	16 ≤ → 18	≥ 18
Điểm	2,5	3	3,5	4	4,5	5

II. Nhóm chỉ tiêu về hoạt động đổi mới (60 điểm)

* Nhóm A

Nếu doanh nghiệp có ít nhất 01 trong các hoạt động đổi mới trong bảng sau thì được 30 điểm. Còn lại, đối với từng hoạt động đổi mới sẽ có số điểm tương ứng trong bảng sau và điểm đạt được của nhóm này bằng tổng các điểm đạt được.

Nhóm	Hoạt động đổi mới	Số điểm		
A1	- Sở hữu Bằng bảo hộ giống cây trồng - Sở hữu Bằng độc quyền Sáng chế	1 bằng	2 bằng	≥ 3 bằng
		5,5 điểm	5,75 điểm	6 điểm
A2	- Sở hữu Giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn - Sở hữu Bằng độc quyền KDCN - Sở hữu Bằng độc quyền GPHI	1 bằng	2 bằng	≥ 3 bằng
		4,5 điểm	4,75 điểm	5 điểm
A3	- Nhận quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn - Nhận quyền sử dụng Bằng độc quyền KDCN - Nhận quyền sử dụng Bằng bảo hộ giống cây trồng - Nhận quyền sử dụng Bằng độc quyền Sáng chế - Nhận quyền sử dụng Bằng độc quyền GPHI	1 bằng	2 bằng	≥ 3 bằng
		3,5 điểm	3,75 điểm	4 điểm
	- Kết quả tự nghiên cứu chuyển giao cho đơn vị khác phục vụ sản xuất kinh doanh - Chuyển giao công nghệ (bao gồm hoặc không gồm máy móc, thiết bị)	1 kqnc	2 kqnc	≥ 3 kqnc
		3,5 điểm	3,75 điểm	4 điểm
A4	- Kết quả tự nghiên cứu được ứng dụng sản xuất, kinh doanh - Nhận kết quả nghiên cứu để ứng dụng vào	3		

	sản xuất kinh doanh - Nhận chuyển giao công nghệ (bao gồm hoặc không gồm máy móc, thiết bị) - Đầu tư, mua sắm mới máy móc, thiết bị (không bao gồm chuyển giao công nghệ)	
A5	- Sở hữu hoặc nhận quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu - Nâng cấp, cải tiến máy móc, thiết bị - Thay đổi quy trình sản xuất để tạo ra sản phẩm mới, cải tiến sản phẩm	2

***Nhóm B:** Bảng số điểm lớn nhất trong 3 nhóm sau:

B1	ISO, HACCP, GMP, KPI, TPM, TQM, Thực hành 5S, VietGap, Global Gap, BRC	5
B2	GMP-ASEAN -> , GMP-WTO ->, PIC/S ->, EU-GMP	8
B3	ASTM, JISG3505, JIS3112	10

III. Nhóm chỉ tiêu khuyến khích (10 điểm)

3.1. Đạt các danh hiệu, giải thưởng (4 điểm)

- Đạt giải thưởng cấp quốc gia: 4 điểm
- Đạt giải thưởng cấp Bộ, ngành, địa phương: 3 điểm

3.2. Có quỹ phát triển khoa học và công nghệ và/hoặc có đơn vị chuyên nghiên cứu và phát triển: 4 điểm

3.3. Tham gia các hoạt động từ thiện, xã hội: 1 điểm

3.4. Là doanh nghiệp sản xuất sản phẩm chủ lực của các tỉnh vùng nông thôn, miền núi, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn (Theo Chương trình 135): 1 điểm